

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2017/HSST

Ngày: 26/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Dũng

2/ Ông Nguyễn Văn Lượng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Quỳnh Nga – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Duy Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 218/2017/HSST ngày 24/4/2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2017/HSST/QĐ ngày 05/6/2017 đối với bị cáo:

Bành Thị H; giới tính: Nữ; sinh năm: 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Đường D, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Giúp việc nhà; con ông Bành Văn B và bà Lê Thị T; hoàn cảnh gia đình: Có chồng là ông Nguyễn Trần Văn T và 01 con đã trưởng thành; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/9/2016. (Có mặt)

Người bị hại: Chị **Nguyễn Thị Tùng C**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường L, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Nguyễn Thị Kim H** - Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Công Ly T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Bành Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 04/9/2016, chị Nguyễn Thị Tùng C, ngụ tại Đường L, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đến Công an Phường M, quận N trình báo sự việc bị mất trộm số tiền khoảng 700.000.000 đồng để trong tủ tại phòng ngủ của gia đình. Công an Phường M, quận N đã hướng dẫn chị C đặt camera trong phòng ngủ để quan sát.

Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 16/9/2016, bà Bành Thị H – là người giúp việc theo giờ cho nhà chị C đến làm việc và ra về vào lúc 10 giờ 15 phút cùng ngày. Sau khi bà H ra về, chị C phát hiện bị mất một số tiền là 11.200.000 đồng trong tổng số tiền là 81.450.000 đồng mà chị C đã để trong tủ trước đó, đã chụp lại số seri của tiền này. Sau đó, chị C quan sát qua camera thấy bà H là người mở tủ lấy trộm tiền nên liền báo Công an Phường M, quận N đưa bà H về trụ sở Công an phường làm việc. Tại đây, bà Bành Thị H thừa nhận đã trộm số tiền 11.200.000 đồng của chị C như hình ảnh camera quay được, thu giữ trong người bà H số tiền là 16.400.000 đồng, trong đó có 5.200.000 đồng là tiền bà H đem theo trước khi thực hiện hành vi trộm cắp. Ngoài ra, bà H còn thừa nhận trong quá trình làm giúp việc cho nhà chị C, từ ngày 10/8/2016 đến ngày bị phát hiện, bà H đã lấy chìa khóa tủ của chị C để trong túi đựng đồ trang điểm, để mở tủ nhà chị C khoảng 10 lần để lấy trộm tiền, có lần lấy 100.000.000 đồng, có lần vài chục triệu đồng, tổng cộng khoảng 700.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, H khai đã sử dụng số tiền trộm cắp được mua căn nhà số I đường K, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Trịnh Văn K với giá 440.000.000 đồng. H cùng gia đình dọn về ở và mua một số vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 máy giặt hiệu Samsung, 02 tivi hiệu Samsung và 01 bộ bàn ghế salon. Ngày 23/9/2016, Cơ quan điều tra đã ra lệnh kê biên căn nhà này và giao cho chị C quản lý. Tại Bản tường trình ngày 21/6/2017, bị hại Nguyễn Thị Tùng C xác định chị và ông Trịnh Văn K đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết căn nhà số I đường K, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó chị C giao trả lại căn nhà này cho ông K và nhận từ ông K số tiền 350.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Chị Nguyễn Thị Tùng C đồng ý nhận lại 01 máy giặt, 02 tivi, 01 bộ bàn ghế salon, căn nhà số I đường K, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, 01 sổ vi bằng và số tiền 216.400.000 đồng và không có yêu cầu gì khác. Ngày 09/01/2017, chị C có đơn xin bãi nại cho Bành Thị H. (Bút lục 62, 63, 69)

Vật chứng thu giữ:

+ Khi khám xét khẩn cấp tại căn nhà số I đường K, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ gồm:

- Thu giữ trong tủ sắt trên lầu 1: 01 Vi bằng số 997/2016/VB-TPL ngày 25/8/2016 do Văn phòng Thừa phát lại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

lập. Nội dung H giao cho ông Trịnh Văn K số tiền 440.000.000 đồng để mua căn nhà trên của ông K.

- Số tiền 200.000.000 đồng.

- 01 hộp nữ trang bên trong có: 01 nhẫn kim loại bằng vàng có đính hạt, 01 nhẫn kim loại màu vàng có hình con cóc đính hạt, 01 nhẫn kim loại màu vàng có hoa văn, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng hình tròn và trái tim có đính hạt, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có hình X. Tất cả đã niêm phong.

- 01 máy giặt hiệu Samsung WA-7244000SW màu trắng.

- 01 tivi hiệu Samsung UA32 J4303 AKXXV Led.

- 01 tivi hiệu Samsung UA43 K5500 AKXXV Led.

- 01 bộ bàn ghế salon gồm: 05 ghế đơn dựa vào nệm màu nâu kem hoa văn, 01 bàn kiềng màu đen và 02 ghế đơn.

(Cơ quan điều tra tạm giao bà C quản lý 01 máy giặt, 02 tivi, 01 bộ bàn ghế salon).

+ Thu giữ của H:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung GT-S7580.

- Số tiền 16.400.000 đồng.

+ Thu từ chị C:

- Hình chụp 20 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

- 01 USB màu đỏ 8G, hiệu Kingston DT 10162, bên trong có nội dung ghi cảnh H mở tủ lấy tiền.

Tại Bản cáo trạng số 195/CT-VKS-P2 ngày 20/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Bành Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Bành Thị H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày bản luận tội, xác định nội dung Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Đồng thời, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Bành Thị H từ 08 đến 10 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo không tự bào chữa, lời nói sau cùng xin được xử mức án nhẹ để sớm trở về với xã hội.

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của phía bị hại cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, từ đó xác định được: Trong khoảng thời gian từ ngày 10/8/2016 đến ngày 16/9/2016, tại nhà Đường L, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, Bành Thị H trong lúc giúp việc nhà cho chị Nguyễn Thị Tùng C đã lén lút lấy trộm của chị C nhiều lần, tổng số tiền khoảng 711.200.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Bành Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “Cướp đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo Cướp đoạt tài sản là phạm pháp, thế nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên thực hiện tội phạm vì động cơ tư lợi riêng của cá nhân mình, điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cũng như đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản Cướp đoạt phần lớn đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Đồng thời, người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Và do bị cáo có đến 02 tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật.

Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 216.400.000 đồng (thu giữ từ bị cáo H) thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Tùng C bị Cướp đoạt. Tại Bản tường trình ngày 21/6/2017, chị C

có yêu cầu nhận lại số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận trả lại cho bà C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 máy giặt hiệu Samsung, 02 tivi hiệu Samsung, 01 bộ bàn ghế salon màu nâu kem đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bình TH giao lại cho bà Nguyễn Thị Tùng C vào ngày 18/9/2016. Xét thấy việc giao trả là phù hợp với quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 hộp nữ trang bên trong có: 01 nhẫn kim loại bằng vàng có đính hạt, 01 nhẫn kim loại màu vàng có hình con cóc đính hạt, 01 nhẫn kim loại màu vàng có hoa văn, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng hình tròn và trái tim có đính hạt, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có hình X thu giữ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung GT-S7580 là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

- 01 Vi bằng số 997/2016/VB-TPL ngày 25/8/2016 do Văn phòng Thừa phát lại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh lập, 01 USB ghi hình và hình chụp 20 tờ tiền là chứng cứ của vụ án nên cần lưu vào hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Bành Thị H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bành Thị H** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2016.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Trả lại cho bị cáo Bành Thị H các vật chứng sau đây:

- 01 hộp nữ trang bên trong có: 01 nhẫn kim loại bằng vàng có đính hạt, 01 nhẫn kim loại màu vàng có hình con cóc đính hạt, 01 nhẫn kim loại màu vàng có hoa văn, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng hình tròn và trái tim có đính hạt, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có hình X. *(Theo Biên bản giao nhận tài sản số 01-2017/BBHN-KBNNQ10 ngày 08/5/2017 tại Kho bạc Nhà nước Quận 10)*

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung GT-S7580. *(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 222/17 ngày 18/5/2017)*

* Trả cho chị Nguyễn Thị Tùng C số tiền 216.400.000 đồng. (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 12/4/2017 của Cơ quan CSĐT – Công an Thành phố Hồ Chí Minh nộp tại Kho bạc Nhà nước Quận 10)

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (4)
- Bị cáo; (4)
- Người bị hại (1)
- Phòng PC 53 - CA TPHCM ; (1)
- THAHS ; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (6) (28)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà